

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/DS-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 725/2019/TLST-DS ngày 02/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-DS ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 34 đường B, khu phố 8, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964

Địa chỉ: 91/1 Quốc lộ 13, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 23/5/2018, bà Nguyễn Thị L cho bà Trần Thị Ngọc B vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn có lập hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018.

Theo hợp đồng thì hai bên có thoả thuận thời hạn vay là 03 năm, tính từ ngày 23/5/2018 và việc vay này không tính lãi suất. Tuy nhiên, giữa bà và bà B có thoả thuận bà B phải giao cho bà được toàn quyền sử dụng căn phòng trọ số 5 tại địa chỉ 34 đường B, khu phố 8, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây tài sản thuộc quyền sử dụng của bà B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00940 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 14/6/2010. Sau khi hết thời hạn vay, bà phải có nghĩa vụ trả lại phòng trọ cho bà B và bà B phải trả lại cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền vay, bà B không thực hiện đúng nội dung đã thoả thuận, không giao cho bà căn phòng trọ để sử dụng. Vì vậy, bà đã tìm gặp bà B nhiều lần và yêu cầu bà B phải trả lại khoản tiền vay cho bà. Ngày 09/8/2018, bà B có viết tờ cam kết với nội dung đến ngày 23/5/2019 sẽ thanh toán khoản tiền vay cho bà nhưng cho đến nay bà B vẫn chưa thực hiện nội dung cam kết trên.

Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018; Buộc bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền vay là 100.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai của bà B được.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L có quan hệ vợ chồng. Khoản tiền 100.000.000 đồng mà bà L cho bà Trần Thị Ngọc B vay là khoản tiền riêng của bà L trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan đến ông. Vì vậy, ông và bà L không tranh chấp liên quan đến khoản tiền này. Ông thống nhất với yêu cầu của bà L là buộc bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho riêng cá nhân bà L số tiền vay 100.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên huỷ hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018 được ký kết

giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Ngọc B; Buộc bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền vay là 100.0000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B có nơi cư trú cuối cùng tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Ngọc B đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bình.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có nộp đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên huỷ hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018, buộc bà Trần Thị Ngọc B phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp, có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và bà Trần Thị Ngọc B đã phát sinh quan hệ vay tài sản. Việc vay mượn có lập hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018.

Theo trình bày của nguyên đơn thì ngoài hợp đồng vay, giữa bà L và bà B có thoả thuận: Bà L cho bà B vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc cho vay không tính lãi. Ngược lại, bà B phải giao cho bà L được toàn quyền sử dụng căn phòng trọ số 5 tại địa chỉ 34 đường B, khu phố 8, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà B. Sau khi hết thời hạn vay, bà L phải có nghĩa vụ trả lại phòng trọ cho bà B và bà B phải trả lại cho bà L số tiền vay 100.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay, bà L đã giao tiền 100.000.000 đồng cho bà B nhưng bà B không giao căn phòng trọ số 5 tại địa chỉ 34 đường B, khu phố 8,

phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L sử dụng. Bà L đã nhiều lần đến gặp bà B để đòi lại tiền vay. Vì vậy ngày 09/8/2018, bà B đã viết tờ cam kết với nội dung đến ngày 23/5/2019 sẽ thanh toán khoản tiền vay 100.000.000 đồng cho bà L.

Hợp đồng vay mà hai bên ký kết thể hiện thời gian cho vay là 03 năm, tính từ ngày 23/5/2018. Tuy nhiên, tờ cam kết mà bà B viết ngày 09/8/2018 với nội dung cam kết ngày 23/5/2019 sẽ thanh toán số tiền nợ 100.000.000 đồng cho bà L được coi là một thoả thuận mới về thời hạn trả nợ. Việc bà B không thanh toán tiền nợ khi hết thời hạn thoả thuận trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Tại phiên toà, ngoài các chứng cứ do bà L nộp cho Toà án, bà Trần Thị Ngọc B không nộp bất cứ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Giữa bà L và chồng của bà L là ông Nguyễn Văn H cũng không tranh chấp liên quan đến số tiền vay trên. Ông H xác nhận đó là tiền riêng của bà L trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên huỷ hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Ngọc B tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018, buộc bà Trần Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 100.000.000 đồng.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 423, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Tuyên huỷ hợp đồng vay tiền số công chứng 004372, được giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Ngọc B tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2018.

- Buộc bà Trần Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056023 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức , Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

